

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 21-02-2023.
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Quốc Tiến;
2. Bà Võ Thị Điệp;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 499/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Bích T**, sinh năm 19XX;

Địa chỉ: tổ XX, ấp MĐN, xã MT, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

Hiện sinh sống: ấp MT1X, xã MQ, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông **Lê Văn D**, sinh năm 19XX;

Địa chỉ: tổ XX, ấp MĐN, xã MT, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2022; Biên bản hòa giải ngày 31/01/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm bà Lê Thị Bích T là nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông D tổ chức đám cưới và sống chung như vợ, chồng năm 1996, do không hiểu biết pháp luật nên vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân

không đạt được. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nguyên nhân ly thân do ông D sống với người phụ nữ khác bên ngoài. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy tình cảm hai bên không thể hàn gắn được, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên bà Lê Thị Bích T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Hồng N, sinh ngày 28/10/1998 và Lê Trung V, sinh ngày 16/6/2003. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Theo biên bản hòa giải ngày 31/01/2023, bị đơn ông Lê Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông D thừa nhận lời trình bày của bà T về việc hai người sống chung với nhau năm 1996, do không hiểu biết pháp luật nên ông D, bà T không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông D, bà T có xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày của bà T. Ông D, bà T đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông D, bà T không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, tình cảm vợ chồng không còn nên ông D đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Hồng Nhung, sinh ngày 28/10/1998 và Lê Trung Vĩnh, sinh ngày 16/6/2003. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Bà Lê Thị Bích T có đơn yêu cầu ly hôn với Lê Văn D. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *“Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con”*.

Ông Lê Văn D là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: tổ 13, ấp Mỹ Đông Nhất, xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ông D đã được triệu tập họp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông D.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà T, ông D thừa nhận chung sống với nhau vào năm 1996 và không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, bà T và ông D có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Nay, đời sống chung giữa bà T và ông D phát sinh mâu thuẫn, bà T yêu cầu ly hôn, ông D đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận bà Lê Thị Bích T và ông Lê Văn D là vợ chồng.

- **Về con chung:** Bà T và ông D có 02 con chung tên Lê Thị Hồng Nhung, sinh ngày 28/10/1998 và Lê Trung Vĩnh, sinh ngày 16/6/2003. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Bà T và ông D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bà T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai số: 0014603 ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Bích T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Bích T và ông Lê Văn D là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà T và ông D có 02 con chung tên Lê Thị Hồng Nhung, sinh ngày 28/10/1998 và Lê Trung Vĩnh, sinh ngày 16/6/2003. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014603 ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Hà

